TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 123/2026/DS-PT Ngày: 03-02-2026	
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2026/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Văn X, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3.2. Ông Võ Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Võ Thị D, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị D, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau:*

Năm 1987, bà H có mua hai phần đất thuộc thửa 53 tờ bản đồ số 16, diện tích 2.121m^2 loại đất rừng do bà Nguyễn Thị Q bán lại để bà trồng đước và có đào ao nuôi cá. Phần đất thứ hai là thửa 296, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.150m^2 loại đất rau màu do bà Ngô Thị Kim H1 bán lại. Cả hai thửa đất liền nhau tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi mua đất, bà đã cất nhà trên thửa đất số 296 để ở (nhà 03 căn, nhà lá, để ở trồng hoa màu với giữ tôm) và đào ao nuôi tôm cá ở thửa 53 nhưng không hiệu quả nên tạm thời không canh tác nữa. Ban đầu, thửa 53 chưa có sổ đỏ vì lúc đó là đất của Nhà nước để cấp cho những người có công với cách mạng, nên không được cấp sổ, sau này thay đổi chính sách nên bà mới đăng ký được trong sổ mục kê năm 2006.

Năm 2002 – 2003, bà Võ Thị D ly hôn (bà D là chị chồng của bà H) không có chỗ ở nên bà H cho bà Võ Thị D ở nhờ trên thửa 296 (nhà 03 căn mà bà H đã cất trước đó) và canh tác hai thửa đất trên. Năm 2003, bà Võ Thị D có chồng khác nên bà tiếp tục cho vợ chồng bà D ở tiếp để cải thiện cuộc sống.

Năm 2010, các bên có thỏa thuận miệng (không làm giấy tờ) bán thửa 296 với giá 10.000.000 đồng, thửa 53 bán với giá là 6,5 chỉ vàng 24k. Số vàng 6,5 chỉ vàng 24k là bà D đưa cho bà, còn số tiền 10.000.000 đồng thì bà C1 (là mẹ ruột của bà D) đưa cho bà. Đây là số tiền bà C1 cho bà D vì trước đó mẹ của bà có cho bà D 01 phần đất nhưng bà D không nhận có xuống xã ký tên để trả lại cho gia đình để cho bà C1 đứng tên nên bà C1 cho bà D 10.000.000 đồng để mua phần đất của bà.

Cuối năm 2010, bà D nói bán thửa 53 với giá như vậy là quá mắc nên kêu nguyên đơn trả lại, không mua thửa 53 này nữa, bà đồng ý mua lại và có trả lại số vàng 6,5 chỉ vàng 24k cho bà D, trả tại nhà bà C1 có chứng kiến của bà C1, ông X, bà H4 và hai người hàng xóm là bà C, ông H2 hai bên không có lập biên bản về việc trả vàng vì là người trong gia đình.

Khi trả lại thửa 53, thì bà D nói là để cho bà D nuôi cá ăn, khi nào nguyên đơn tách sổ cho bà D thửa 296 thì bà D sẽ trả lại cho bà thửa 53.

Lúc làm hợp đồng chưa sang sổ thửa 296 được vì lúc đó bà sinh con nhỏ, mẹ bà C1 ở chung với bà, do bà bị bệnh nên chưa làm thủ tục cho bà D được. Phần đất thửa 53 còn lại bà vẫn tiếp tục cho bà D tạm canh tác nuôi cá.

Năm 2013, bà làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà D thửa 296 (số liệu mới là thửa 95, tờ 16). Cùng với việc chuyển nhượng đất cho bà D bà yêu cầu bà D trả lại phần đất thửa 53 còn lại để bà canh tác. Lúc đầu bà D đồng ý trả, nhưng sau đó không chịu trả mà cứ hẹn hoài nhưng do chị em với nhau nên bà không kiện nên sự việc kéo dài từ đó cho đến nay.

Nay bà có nhu cầu sử dụng và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà H yêu cầu bà Võ Thị D và ông Võ Văn N (chồng bà D) đốn di dời tất cả cây trồng trên đất trả lại cho bà H phần đất thửa 53, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.121,1m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long) và rút lại yêu cầu buộc bị đơn bồi thường với tổng số tiền 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Do phía bà D chống đối không cho Tòa án tiến hành xem xét thẩm định nên nguyên đơn yêu cầu sử dụng Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/8/2020 và kết quả định giá ngày 19/7/2024 làm cơ sở giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu của bị đơn về việc đổi đất, nguyên đơn không đồng ý và cho rằng không có việc chuyển đổi quyền sử dụng đất, giấy viết bị đơn cung cấp là giấy photo không có bản chính hay tài liệu gì chứng minh có việc chuyển đổi đất.

** Tại đơn phản tố đề ngày 10/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Võ Thị D trình bày như sau:*

Nguyên vào ngày 27 tháng 3 năm 2003, ông Võ Văn S, sinh năm 1916 và bà Lê Thị C1, sinh năm 1927 có cho bà phần đất diện tích 700m^2 cuối lộ nhựa. Sau đó, ông Võ Văn X đã làm giấy tay sang nhượng phần đất này cho bà, có ông Võ Văn H3, bà Võ Thị H4 làm chứng và ông Phan Trúc P là trưởng ấp xác nhận.

Bà Nguyễn Thị Kim H là vợ ông X đồng ý trao đổi đất và làm hợp đồng viết tay (bà không có giữ bản chính) với nội dung là H sẽ lấy phần đất 700m^2 của bà ở cuối lộ nhựa, đổi lại bà lấy của H phần đất diện 1000m^2 và một cái ao. Hai bên trao đổi vĩnh viễn, nếu ai đổi ý thì sẽ bồi thường thiệt hại cho bên kia theo yêu cầu.

Vào năm 2003, vì ít học không hiểu pháp luật, phần vì nghĩ chị em cùng cha cùng mẹ nên giữa bà và vợ chồng ông X không đi công chứng. Sau khi đổi đất, bà Nguyễn Thị Kim H đưa sổ cho bà giữ, do hoàn cảnh gia đình khó khăn

nên đến năm 2013, bà mới tiến hành sang tên đất. Lúc đó, bà H yêu cầu bà đưa 10.000.000 đồng thì bà H mới đồng ý ký tên sang tên đất.

Lúc còn sống, cha mẹ của bà có cho bà 1000m^2 nhưng khi ghi vào giấy tay ông X ghi 700m^2, 700m^2 của bà bên lộ nhựa lại có nước ngọt, còn đất của bà H 1.313m^2 nhưng khi làm giấy bà H chỉ ghi 1000m^2, bà nghĩ đổi đất thì ghi cho có hình thức là được nên không yêu cầu sửa lại cho chính xác. Đất của bà H nằm sau một dãy nhà vị trí không tốt lại không có nước ngọt nên bà H yêu cầu phải có thêm cái ao và đóng cây nước ngọt vĩnh viễn thì bà mới đồng ý.

Bà H nói cha mẹ của bà cho đất nhưng bà không nhận là không đúng sự thật, nếu bà không nhận sao ông X lại làm giấy cho bà và cho chị em trong gia đình và có trưởng ấp làm chứng.

Bà H nói mua lại cái ao của bà để canh tác là không đúng do vàng này có trả và bà có nhận vàng và thuê ở S cho bà H mượn. Mẹ bà mất năm 2012 và không biết chữ nên bà H nói mẹ bà lên Ủy ban nhân dân xã T ký tặng phần đất của bà cho bà H là không đúng. Việc đổi đất năm 2003, bà H giao sổ cho bà để sang tên sổ nhưng gia đình bà lúc đó khó khăn cho đến năm 2013 thì bà làm thủ tục sang tên và bà H đồng ý với điều kiện đưa bà Nguyễn Thị Kim H 10.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng việc làm giấy bán 10.000.000 đồng cho hợp lệ chứ giấy đổi đất mà sổ mang tên bà H thì bà không đồng ý. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà trả đất, đồng thời yêu cầu bồi thường tiền thiệt hại từ năm 2011 đến năm 2025 là 72.000.0000 đồng thì bà không đồng ý. Nay bà phản tố yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà Nguyễn Thị Kim H. Đồng thời, buộc ông Võ Văn X trả lại cho bà phần đất có diện tích 700m^2 mà cha mẹ bà đã cho bà. Bà không đồng ý cho đo đạc, định giá phần đất tranh chấp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn X thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn N thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn.*

** Người làm chứng ông Võ Văn H3 trình bày:*

Ông là anh cả trong gia đình và gia đình gồm có 02 người con trai và 04 người con gái. Sinh thời lúc cha mẹ còn sống đã chia các phần đất cho các anh em trong đó bà D đi S làm nên không nhận.

Lúc gia đình ký phần đất cho ông X là có tất cả các anh chị em lên ủy ban xã ký. Lúc đó bà D đi làm S có tiền nên không nhận đất. Lúc bà Lê Thị C1 còn sống có đưa tiền cho bà H để mua đất thửa 296, tờ bản đồ số 02 với giá 10.000.000 đồng và bà D lúc đầu có trả 6,5 chỉ vàng 24k để mua thửa đất 53, tờ bản đồ số 16. Tuy nhiên bà D nói việc bán như vậy là quá mắc nên đã trả lại và

bà H đồng ý mua lại, trả lại 6,5 chỉ vàng 24k. Bà Nguyễn Thị Kim H có bán phần đất giá 10.000.000 đồng và có làm sổ còn ao là của ông Võ Văn X không có bán mà bà H chỉ cho bà D mượn ao để nuôi cá ăn (từ nhà ông đến phần đất tranh chấp khoảng 60m).

** Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Nhà bà giáp ranh với thửa 53, tờ bản đồ số 16. Bà có chồng về ở vào năm 1996, lúc này bà H chưa mua đất và khoảng 02 đến 03 năm sau thì bà H có mua đất của nhà đối diện và sử dụng. Khi bà H mua đất xong, sán dây vào cạp làm ao, cặp bờ có trồng đước, nuôi tôm. Khoảng hơn 10 năm sau thấy bà D có đến ở nhà nuôi cá, trồng hoa màu. Đến năm 2013, bà H đến đòi lại ao nuôi cá.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 325, 91, 92, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 689, 693, 694, 697, 698 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 26, 27, 28 và 236 của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc bà Võ Thị D và ông Võ Văn N có nghĩa vụ đốn chặt di dời tất cả cây trồng trên đất trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H phần đất thửa 53, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.121,1m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có họa đồ kèm theo)

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị D về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Võ Thị D và yêu cầu ông Võ Văn X trả lại cho bà Võ Thị D phần đất có diện tích 700m^2 đất mà cha mẹ bà D đã cho bà.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu bà Võ Thị D bồi thường thiệt hại từ việc không canh tác với tổng số tiền 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/8/2025, bị đơn bà Võ Thị D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ

thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bà Võ Thị D là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Võ Thị D; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Võ Thị D kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Võ Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bà Võ Thị D và ông Võ Văn N (chồng bà D) đốn chặt di dời tất cả cây trồng trên đất trả lại cho nguyên đơn phần đất thửa 53, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.121,1m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Bà Võ Thị D phản tố yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất, buộc ông Võ Văn X trả lại cho bà D phần đất có diện tích 700m^2 mà cha mẹ đã cho bà. Hiện nay phần đất này đã được vợ chồng bà H đã bán lại cho ông Bùi Văn C2, sinh năm 1970, ngụ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre với diện tích 6000m^2, thửa 01, 72, 561. Bà D thừa nhận phần đất thửa 53, tờ bản đồ số 16 diện tích 2.121,1m^2 là của bà H. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2. Đối với yêu cầu của bà D về việc công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D cung cấp một giấy tay sang nhường quyền sử dụng đất giữa ông X và bà D; một giấy photo viết tay

trao đổi quyền sử dụng đất giữa bà D và bà H không để rõ ngày tháng năm lập có nội dung "H lấy phần đất 700m^2 của bà D ở cuối lộ nhựa và bà D lấy của bà H phần đất có diện tích 1000m^2 và một cái ao, hai bên trao đổi vĩnh viễn, nếu ai đổi ý thì sẽ bồi thường thiệt hại cho bên kia theo yêu cầu" và giấy sang nhường quyền sử dụng đất viết tay photo ngày 27/3/2003 không tuân thủ nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật về chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại các Điều 689, 693, 694, 697, 698 của Bộ luật Dân sự 2005. Ngoài ra, bà H không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy tay trao đổi quyền sử dụng đất, ông X không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy tay sang nhượng quyền sử dụng đất. Đồng thời, bà D cũng không cung cấp được bản chính chứng cứ chứng minh có sự việc đổi đất cũng như không yêu cầu giám định chữ viết do đó yêu cầu phản tố của bị đơn không có cơ sở để xem xét. Đồng thời, bà D yêu cầu ông Võ Văn X trả lại cho bà Võ Thị D phần đất có diện tích 700m^2 mà cha mẹ bà D đã cho bà D nhưng ông X không thừa nhận và bà D đã ký giấy để cho ông X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông H3 cũng xác định bà D đã từ chối nhận đất khi cha mẹ cho. Vì vậy, yêu cầu này của bà D không có cơ sở chấp nhận.

2.3. Ở cấp sơ thẩm, bà D không đồng ý việc xem xét thẩm định và đo đạc nên không thể xác định vị trí thửa đất, bà D có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử cũng đã giải thích cho bà D về việc xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc lại phần đất đã đổi hiện nay ở vị trí nào theo như lời trình bày của bà D tuy nhiên bà dự không đồng ý việc xem xét thẩm định và đo đạc nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, chấp nhận yêu cầu của bà. Đối với thửa đất số 296, các bên đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đúng quy định.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị D cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà D là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 325, 91, 92, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 689, 693, 694, 697, 698 của Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Điều 26, 27, 28 và 236 của Luật Đất đai năm 2024;

Áp dụng Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc bà Võ Thị D và ông Võ Văn N có nghĩa vụ đốn chặt di dời tất cả cây trồng trên đất trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H phần đất thửa 53, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.121,1m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). (có họa đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị D về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Võ Thị D và yêu cầu ông Võ Văn X trả lại cho bà Võ Thị D phần đất có diện tích 700m^2 đất mà cha mẹ bà đã cho bà.

3. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu bà Võ Thị D bồi thường thiệt hại từ việc không canh tác với tổng số tiền 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị D và ông Võ Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền chi phí tố tụng là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Võ Thị D và ông Võ Văn N có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Bà Võ Thị D phải nộp án phí cho yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008199 ngày

17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Vĩnh Long).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí là 1.650.000 (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0006994 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Vĩnh Long).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002118 ngày 21/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạt